

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 23/2018/ HN-ST

Ngày: 28/5/2018

Về việc: “*Tranh chấp
về hôn nhân và gia đình*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán; Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Thìn
Ông Nguyễn Viết Xứng

-Thư ký phiên toà: Ông Trương Văn Phương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước: Bà Bùi Thị Dung- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2017/TLST- HN ngày 25/10/2017 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST –HN ngày 18/4/2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Bà Lưu Thị H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Đội 4, ấp Suối Bình, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

*Bị đơn: Ông Mã văn K, sinh năm 1988

Địa chỉ: Đội 5, ấp Suối Bình, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Mã Thành Q, sinh năm 1952

Địa chỉ: Đội 5, ấp Suối Bình, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có mặt tại hiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2017, nguyên đơn là bà Lưu Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lưu Thị H và ông Mã Văn K kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Thời gian chung sống, bà Lưu Thị H và ông Mã Văn K sống không hạnh phúc mà mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do hai người có tính tình không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng nên thường xuyên xảy ra xung đột dẫn đến không có hạnh phúc. Hiện nay, tình cảm mà bà Lưu Thị H dành cho ông Mã Văn K đã thực sự hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Lưu Thị H được ly hôn với ông Mã Văn K.

Về con chung và tài sản chung: Bà Lưu Thị H không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Lưu Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu. Việc ông Mã Thành Q yêu cầu bà Lưu Thị H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Mã Thành Q tiền chi phí cho việc hỏi, cưới tổng cộng là 20.000.000đồng, số tiền này bà H không biết và cũng không trực tiếp nhận nên không đồng ý hoàn trả theo yêu cầu của ông Mã Thành Q. Ngoài ra, bà Lưu Thị H không còn có yêu cầu nào khác.

-Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13/04/2018, bị đơn là ông Mã Văn K trình bày:

Về hôn nhân: Ông Mã Văn K và bà Lưu Thị H kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống thì vợ chồng sống hạnh phúc bình thường, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Việc bà Lưu thị H bỏ nhà đi là do bà H có mối quan hệ bất chính với người đàn ông bên ngoài. Tình cảm mà ông Mã Văn K dành cho bà Lưu Thị H vẫn còn và không đồng ý ly hôn mà chỉ muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình, vợ chồng về sinh sống với nhau để đoàn tụ gai đình

Về con chung và tài sản chung: Ông Mã Văn K và bà Lưu thị H không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Mã Văn K trình bày: Dù tình cảm mà ông Mã Văn K dành cho bà Lưu Thị H vẫn còn nhưng trường hợp bà Lưu Thị H cứ cương quyết xin ly hôn thì ông K cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Lưu Thị H. Việc ông Mã Thành Q yêu cầu bà Lưu Thị H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Mã Thành Q tiền chi phí cho việc hỏi, cưới tổng cộng là 20.000.000đồng, sự việc này, ông K không biết và không có ý kiến gì. Ngoài ra, ông Mã Văn K không còn có yêu cầu nào khác.

-Tại đơn yêu cầu đề ngày 24/10/2017, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13/4/2018 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Mã Thành Q trình bày: Ông Mã Thành Q là cha đẻ của ông Mã Văn K, trước đây khi, ông K và bà H kết hôn thì ông Mã Thành Q có đưa cho gia đình bà Lưu Thị H tiền ăn hỏi là 10.000.000đồng và tiền mua sính lễ (Xôi, gà, mâm quả, nhẫn cưới và các vật dụng khác) trị giá là 10.000.000đồng. tổng cộng là 20.000.000đồng. Theo phong tục tập quán của người dân tộc thiểu số (Dân tộc Tày), khi phụ nữ bỏ chồng thì phải hoàn trả lại số tiền hỏi cưới. Vì vậy, ông Mã Thành Q có yêu cầu bà Lưu Thị H phải có

nghĩa vụ hoàn trả cho ông Mã Thành Q số tiền 20.000.000đồng chi phí lễ hỏi, cưới mà ông Mã Thành Q đã bỏ ra chi phí. Ngoài ra, ông Mã Thành Q không còn có yêu cầu nào khác

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn. Phân tích các tình tiết của vụ án, tài liệu, chứng cứ được kiểm tra tại phiên tòa, đối chiếu với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử **Tuyên xử:**

Về hôn nhân: Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; tuyên xử cho bà Lưu Thị H được ly hôn với ông Mã Văn K .

Về con chung và tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

Đối với khoản tiền 20.000.000đồng tiền mua sính lễ hỏi, cưới. Áp dụng mục 7, phần II, phụ lục danh mục các tập quán lạc hậu về Hôn nhân và Gia đình cần xóa bỏ (Ban hành kèm theo Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014) bác yêu cầu của ông Mã Thành Q.

-Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

-Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2017, bà Lưu Thị H yêu cầu ly hôn với ông Mã Văn K, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Mã Thành Q yêu cầu bà Lưu Thị H phải hoàn trả cho ông Mã Thành Q tiền chi phí lễ hỏi, cưới là 20.000.000đồng. Vì vậy, đây là vụ án "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn Mã Văn K cư trú tại Đội 5, ấp Suối Bình, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

-Yêu cầu của đương sự:

[1]Về hôn nhân: Bà Lưu Thị H và ông Mã Văn K kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (Giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyền số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước ký ngày/7/2014). Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ về điều kiện và thủ tục kết hôn được quy định tại các Điều 8 và 9 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong thời gian chung sống, bà Lưu Thị H và ông Mã Văn K sống không hạnh phúc mà mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do khi chung sống, họ không tin tưởng, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau dẫn đến thường hay cãi vã lẫn nhau làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng gay gắt.

Lẽ ra, hai người phải nhận thấy điều này và cùng nhau khắc phục để xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc nhưng ở đây cả hai người không làm được điều đó dẫn đến ly thân và đỉnh điểm là ly hôn. Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa hai người lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa, ông Mã Văn K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Lưu Thị H. Vì vậy, yêu cầu xin được ly hôn với ông Mã Văn K của bà Lưu Thị H là có căn cứ và được chấp nhận.

[2]Về con chung và tài sản chung: Các bên đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3]Về nợ chung: Ông Mã Thành Q trình bày là để phục vụ cho lễ hỏi, cưới ông Mã Văn K và bà Lưu Thị H, bản thân ông Mã Thành Q đã bỏ ra tổng số tiền là 20.000.000đồng, gồm đưa cho gia đình bà Lưu Thị H 10.000.000đồng tiền mặt để phục vụ cho lễ ăn hỏi, còn lại 10.000.000đồng là chi phí tiền nhẫn cưới, xôi, gà, mâm quả ... (tính tổng lại) . Theo phong tục tập quán của ông Q (Người dân tộc Tày) thì khi bà H bỏ chồng phải hoàn trả lại cho ông Q số tiền này. Tuy nhiên, trước đây và tại phiên tòa, ông Mã Thành Q không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình. Mặt khác, tại mục 7, phần II của Nghị định 126/2104/NĐ-CP ngày 31/12/2014, Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hôn nhân và gia đình thì việc "Đòi lại của cải, phạt vạ khi vợ, chồng ly hôn" là một trong những tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình cấm áp dụng. Yêu cầu của ông Mã Thành Q thuộc trường hợp "Đòi lại của cải, phạt vạ khi vợ, chồng ly hôn" như đã viện dẫn và trái với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bên phải nộp theo quy định của pháp luật.

[5]Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước nêu trên đối với quan điểm giải quyết vụ án và Điều luật áp dụng là có cơ sở, cần được ghi nhận.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 8, 9, 51 và 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1].Về hôn nhân: Bà Lưu Thị H được ly hôn với ông Mã Văn K.

[2]Về con chung và tài sản chung: Không xem xét, giải quyết

[3]Về nợ chung: Bác yêu cầu của ông Mã Thành Q về việc yêu cầu bà Lưu Thị H phải trả cho ông Mã Thành Q số tiền 20.000.000 đồng chi phí cho lễ hỏi cưới.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lưu Thị H phải nộp 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Lưu Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024264, quyền số 000486 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Ông Mã Thành Q phải nộp 1.000.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 500.000đồng mà ông Mã Thành Q đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024620, quyền số 000493 ngày 13/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện đồng Phú, tỉnh Bình Phước, số tiền còn lại phải nộp là 500.000đồng.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Lê Quang Thìn-Nguyễn Viết Xứng

Võ Quang Dũng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- Chi cục THA huyện Đồng Phú;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán

Võ Quang Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Lê Quang Thìn-Nguyễn Viết Xứng

Võ Quang Dũng

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 40 phút, ngày 08 tháng 9 năm 2017

Tại: Phòng nghị án, Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Ông Võ Quang Dũng**

- Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Quang Thìn**

Bà Nguyễn Thị Kim Yến

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 82/2017/TLST-HN ngày 27 tháng 3 năm 2017 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” giữa:

***Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Ngát**, sinh năm 1979

***Bị đơn: Ông Phạm Ngọc Triển**, sinh năm 1975

Cùng trú tại: Tổ 27, ấp Minh Tân, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng các Điều 8, 9, 51 và 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Áp dụng [Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015](#).

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kết quả Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3

2. Phần quyết định:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Vũ Thị Ngát được ly hôn với ông Phạm Ngọc Triển.

2. Về con chung và tài sản chung: Các bên không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 đồng, bà Vũ Thị Ngát phải nộp, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Vũ Thị Ngát đã nộp theo biên lai thu tiền số 0023954, quyển số 000480 ngày 27/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Bà Vũ Thị Ngát và ông Phạm Ngọc Triển được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 .

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 9 năm 2017

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PH

Lê Quang Thìn - Nguyễn Thị Kim Yến

Võ Quang Dũng

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 5 năm 2018

Tại: Phòng nghị án, Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quang Dũng

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Thìn

Ông Nguyễn Viết Xứng

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 299/2017/TLST- HN ngày 25/10/2017 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” giữa:

*Nguyên đơn: Bà Lưu Thị H, sinh năm 1990

*Bị đơn: Ông Mã Văn K, sinh năm 1988.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Mã Thành Q, sinh năm 1952

Trú tại: ấp Suối Bình, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng các Điều 8, 9, 51 và 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3

2. Phần quyết định:

[1]. Về hôn nhân: Bà Lưu Thị H được ly hôn với ông Mã Văn K.

[2] Về con chung và tài sản chung: Không xem xét, giải quyết

[3] Về nợ chung: Bác yêu cầu của ông Mã Thành Q về việc yêu cầu bà Lưu Thị H phải trả cho ông Mã Thành Q số tiền 20.000.000 đồng chi phí cho lễ hỏi cưới.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lưu Thị H phải nộp 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Lưu Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024264, quyền số 000486 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Ông Mã Văn K phải nộp 1.000.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 500.000đồng mà ông Mã Văn K đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024620, quyền số 000493 ngày 13/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện đồng Phú, tỉnh Bình Phước, số tiền còn lại phải nộp là 500.000đồng.

[5]Quyền kháng cáo: Các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 .

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 20 phút, ngày 10 tháng 5 năm 2018

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 23/2018/ HN-ST

Ngày: 28/5/2018

Về việc: “*Tranh chấp
về hôn nhân và gia đình*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán; Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Thìn
Ông Nguyễn Viết Xứng

-Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước: Bà Bùi Thị Dung- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2017/TLST- HN ngày 25/10/2017 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST –HN ngày 18/4/2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Bà Lưu Thị H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Đội 4, ấp Suối Bình, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

*Bị đơn: Ông Mã văn K, sinh năm 1988

Địa chỉ: Đội 5, ấp Suối Bình, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Mã Thành Q, sinh năm 1952

Địa chỉ: Đội 5, ấp Suối Bình, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2017, nguyên đơn là bà Lưu Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lưu Thị H và ông Mã Văn K kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Thời gian chung sống, bà Lưu Thị H và ông Mã Văn K sống không hạnh phúc mà mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do hai người có tính tình không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng nên thường xuyên xảy ra xung đột dẫn đến không có hạnh phúc. Hiện nay, tình cảm mà bà Lưu Thị H dành cho ông Mã Văn K đã thực sự hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Lưu Thị H được ly hôn với ông Mã Văn K.

Về con chung và tài sản chung: Bà Lưu Thị H không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Lưu Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu. Việc ông Mã Thành Q yêu cầu bà Lưu Thị H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Mã Thành Q tiền chi phí cho việc hỏi, cưới tổng cộng là 20.000.000đồng, số tiền này bà H không biết và cũng không trực tiếp nhận nên không đồng ý hoàn trả theo yêu cầu của ông Mã Thành Q. Ngoài ra, bà Lưu Thị H không còn có yêu cầu nào khác.

-Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13/04/2018, bị đơn là ông Mã Văn K trình bày:

Về hôn nhân: Ông Mã Văn K và bà Lưu Thị H kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống thì vợ chồng sống hạnh phúc bình thường, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Việc bà Lưu thị hiền bỏ nhà đi là do bà H có mối quan hệ bất chính với người đàn ông bên ngoài. Tình cảm mà ông Mã Văn K dành cho bà Lưu Thị H vẫn còn và không đồng ý ly hôn thì ông Mã Văn K không đồng ý mà chỉ muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình, vợ chồng về sinh sống với nhau để đoàn tụ gai đình

Về con chung và tài sản chung: Ông Mã Văn K và bà Lưu thị H không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Mã Văn K trình bày: Dù tình cảm mà ông mã văn K dành chom bà Lưu Thị H vẫn còn nhưng trường hợp bà Lưu Thị H cứ cương quyết xin ly hôn thì ông K cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Lưu Thị H. Việc ông Mã Thành Q yêu cầu bà Lưu Thị H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Mã Thành Q tiền chi phí cho việc hỏi, cưới tổng cộng là 20.000.000đồng, sự việc này, ông K không biết và không có ý kiến gì. Ngoài ra, ông Mã Văn K không còn có yêu cầu nào khác.

-Tại đơn yêu cầu đề ngày 24/10/2017, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13/4/2018 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Mã Thành Q trình bày: Ông Mã Thành Q là cha đẻ của ông Mã Văn K, trước đây khi, ông K và bà H kết hôn thì ông Mã Thành Q có đưa cho gia đình bà Lưu Thị H tiền ăn hỏi là 10.000.000đồng và tiền mua sính lễ (Xôi, gà, mâm quả, nhẫn cưới và các vật dụng khác) trị giá là 10.000.000đồng. tổng cộng là 20.000.000đồng. Theo phong tục tập quán của người dân tộc thiểu số (Dân tộc Tày), khi phụ nữ bỏ chồng thì phải hoàn trả lại số tiền hỏi cưới. Vì vậy, ông Mã Thành Q có yêu cầu bà Lưu Thị H phải có nghĩa

vụ hoàn trả cho ông Mã Thành Q số tiền 20.000.000đồng chi phí lễ hỏi, cưới mà ông Mã Thành Q đã bỏ ra chi phí. Ngoài ra, ông Mã Thành Q không còn có yêu cầu nào khác

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn. Phân tích các tình tiết của vụ án, tài liệu, chứng cứ được kiểm tra tại phiên tòa, đối chiếu với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử **Tuyên xử:**

Về hôn nhân: Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; tuyên xử cho bà Lưu Thị H được ly hôn với ông Mã Văn K .

Về con chung và tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

Đối với khoản tiền 20.000.000đồng tiền mua sính lễ hỏi, cưới. Áp dụng mục 7, phần II, phụ lục danh mục các tập quán lạc hậu về Hôn nhân và Gia đình cần xóa bỏ (Ban hành kèm theo Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014) bác yêu cầu của ông Mã Thành Q.

-Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

-Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2017, bà Lưu Thị H yêu cầu ly hôn với ông Mã Văn K, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Mã Thành Q yêu cầu bà Lưu Thị H phải hoàn trả cho ông Mã Thành Q tiền chi phí lễ hỏi, cưới là 20.000.000đồng. Vì vậy, đây là vụ án "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn Mã Văn K cư trú tại Đội 5, ấp Suối Bình, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

-Yêu cầu của đương sự:

[1]Về hôn nhân: Bà Lưu Thị H và ông Mã Văn K kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (Giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyền số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước ký ngày/7/2014). Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ về điều kiện và thủ tục kết hôn được quy định tại các Điều 8 và 9 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong thời gian chung sống, bà Lưu Thị H và ông Mã Văn K sống không hạnh phúc mà mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do khi chung sống, họ không tin tưởng, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau dẫn đến thường hay cãi vã lẫn nhau làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng gay gắt.

Lẽ ra, hai người phải nhận thấy điều này và cùng nhau khắc phục để xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc nhưng ở đây cả hai người không làm được điều đó dẫn đến ly thân và đỉnh điểm là ly hôn. Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa hai người lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa, ông Mã Văn K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Lưu Thị H. Vì vậy, yêu cầu xin được ly hôn với ông Mã Văn K của bà Lưu Thị H là có căn cứ và được chấp nhận.

[2]Về con chung và tài sản chung: Các bên đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3]Về nợ chung: Ông Mã Thành Q trình bày là để phục vụ cho lễ hỏi, cưới ông Mã Văn K và bà Lưu Thị H, bản thân ông Mã Thành Q đã bỏ ra tổng số tiền là 20.000.000đồng, gồm đưa cho gia đình bà Lưu Thị H 10.000.000đồng tiền mặt để phục vụ cho lễ ăn hỏi, còn lại 10.000.000đồng là chi phí tiền nhẫn cưới, xôi, gà, mâm quả ... (tính tổng lại) . Theo phong tục tập quán của ông Q (Người dân tộc Tày) thì khi bà H bỏ chồng phải hoàn trả lại cho ông Q số tiền này. Tuy nhiên, trước đây và tại phiên tòa, ông Mã Thành Q không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình. Mặt khác, tại mục 7, phần II của Nghị định 126/2104/NĐ-CP ngày 31/12/2014, Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hôn nhân và gia đình thì việc "Đòi lại của cải, phạt vạ khi vợ, chồng ly hôn" là một trong những tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình cấm áp dụng. Yêu cầu của ông Mã Thành Q thuộc trường hợp "Đòi lại của cải, phạt vạ khi vợ, chồng ly hôn" như đã viện dẫn và trái với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bên phải nộp theo quy định của pháp luật.

[5]Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước nêu trên đối với quan điểm giải quyết vụ án và Điều luật áp dụng là có cơ sở, cần được ghi nhận.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 8, 9, 51 và 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1].Về hôn nhân: Bà Lưu Thị H được ly hôn với ông Mã Văn K.

[2]Về con chung và tài sản chung: Không xem xét, giải quyết

[3]Về nợ chung: Bác yêu cầu của ông Mã Thành Q về việc yêu cầu bà Lưu Thị H phải trả cho ông Mã Thành Q số tiền 20.000.000 đồng chi phí cho lễ hỏi cưới.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lưu Thị H phải nộp 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Lưu Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024264, quyền số 000486 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Ông Mã Văn K phải nộp 1.000.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 500.000đồng mà ông Mã Văn K đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024620, quyền số 000493 ngày 13/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện đồng Phú, tỉnh Bình Phước, số tiền còn lại phải nộp là 500.000đồng.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- Chi cục THA huyện Đồng Phú;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán

Võ Quang Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Lê Quang Thìn-Nguyễn Viết Xứng

Võ Quang Dũng

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 40 phút, ngày 08 tháng 9 năm 2017

Tại: Phòng nghị án, Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Võ Quang Dũng**

- Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Quang Thìn**

Bà Nguyễn Thị Kim Yến

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 82/2017/TLST-HN ngày 27 tháng 3 năm 2017 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” giữa:

***Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Ngát**, sinh năm 1979

***Bị đơn: Ông Phạm Ngọc Triển**, sinh năm 1975

Cùng trú tại: Tổ 27, ấp Minh Tân, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng các Điều 8, 9, 51 và 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Áp dụng **Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015**.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kết quả Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3

2. Phần quyết định:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Vũ Thị Ngát được ly hôn với ông Phạm Ngọc Triển.

2. Về con chung và tài sản chung: Các bên không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 đồng, bà Vũ Thị Ngát phải nộp,

được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Vũ Thị Ngát đã nộp theo biên lai thu tiền số 0023954, quyền số 000480 ngày 27/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Bà Vũ Thị Ngát và ông Phạm Ngọc Triển được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 .

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 9 năm 2017

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PH

Lê Quang Thìn - Nguyễn Thị Kim Yến

Võ Quang Dũng

